

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách huyện Mỹ Tú năm 2022

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân huyện Mỹ Tú.

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 36 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

Quá trình điều hành ngân sách huyện trong 06 tháng đầu năm 2022 có phát sinh một số khoản thu, chi ngân sách huyện so với dự toán đầu năm như: các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách TW, tỉnh (ngoài số phân bổ đầu năm) cho ngân sách huyện; từ khoản thu, chi chuyển nguồn theo quy định của Bộ Tài chính; thu từ kết dư ngân sách huyện, xã.

Từ tình hình nêu trên Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú trình Hội đồng Nhân Dân huyện xem xét điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách huyện năm 2022 đã thông qua tại Nghị quyết 33/NQ-HĐND, ngày 17/12/2021 của HĐND huyện Mỹ Tú, cụ thể như sau:

I. Điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách huyện năm 2022 (bao gồm cấp huyện và cấp xã): 140 tỷ 969 triệu đồng. Dự toán sau khi đã điều chỉnh: 628 tỷ 246 triệu đồng.

Trong đó:

1. Tăng dự toán thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 29 tỷ 149 triệu đồng.
2. Tăng dự toán thu chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022 là: 50 tỷ 494 triệu đồng.
3. Tăng thu Kết dư ngân sách năm 2021 là: 61 tỷ 326 triệu đồng.

(Chi tiết tại phần A của phụ lục 01)

II. Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách huyện năm 2022 (cấp huyện và cấp xã): 140 tỷ 969 triệu đồng. Dự toán sau khi đã điều chỉnh: 628 tỷ 246 triệu đồng.

Trong đó:

1. Tăng chi chương trình bổ sung có mục tiêu: 29 tỷ 149 triệu đồng.
2. Tăng dự toán chi từ nguồn thu chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022 là: 50 tỷ 494 triệu đồng.
3. Tăng dự toán chi từ nguồn kết dư ngân sách năm 2021 là: 61 tỷ 326 triệu đồng.

(Chi tiết tại phần B của phụ lục 01)

III. Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách cấp huyện năm 2022 là 134 tỷ 571 triệu đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh 618 tỷ 412 triệu đồng.

Trong đó:

- Tăng chi chương trình bổ sung có mục tiêu: 29 tỷ 149 triệu đồng (chi NS cấp huyện: 22 tỷ 938 triệu đồng; Chi NS cấp xã, thị trấn 6 tỷ 211 triệu đồng).
- Tăng dự toán chi từ nguồn thu chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022 là: 46 tỷ 612 triệu đồng.
- Tăng dự toán chi từ nguồn kết dư ngân sách năm 2021 là: 58 tỷ 810 triệu đồng.

(Chi tiết kèm phụ lục số 02)

Trên đây là nội dung điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách huyện Mỹ Tú 06 tháng đầu năm 2022, trình Đại biểu HĐND huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên:
- TT.HU, TT.HĐND
- Đại biểu HĐND
- Thành viên UBND
- Lưu: BC, VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Phú



PHỤ LỤC 01

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN MỸ TÚ NĂM 2022
(Kêu theo Tờ trình số 53 / TT-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Mỹ Tú)

Đơn vị tính: đồng

Stt	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM 2022	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+), GIẢM TRỪ (-)	DỰ TOÁN 2022 SAU KHI ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ
A	TỔNG SỐ DỰ TOÁN THU NS HUYỆN	487.277.000.000	140.969.403.766	628.246.403.766	
	Trong đó :				
1	Dự toán thu huyện được hưởng theo phân cấp	31.070.000.000		31.070.000.000	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	456.207.000.000	29.149.281.702	485.356.281.702	
2.1	Thu bổ sung cân đối	412.271.000.000	-	412.271.000.000	
2.2	Thu bổ sung mục tiêu	43.936.000.000	29.149.281.702	73.085.281.702	
2.2.1	Giao đầu năm	43.936.000.000		43.936.000.000	
2.2.2	Bổ sung 6 tháng đầu năm	-	29.149.281.702	29.149.281.702	
-	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		-	-	
-	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		29.149.281.702	29.149.281.702	
+	KP tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân dịp tết Nguyên Đán Nhâm dản 2022		525.050.000	525.050.000	
+	KP hỗ trợ tiền ăn cho người dân phải cách ly y tế để phòng, chống dịch COVID -19		3.435.600.000	3.435.600.000	
+	KP hỗ trợ tiền ăn cho người dân phải cách ly y tế để phòng, chống dịch COVID -19		385.840.000	385.840.000	
+	KP bố trí các công trình chống xâm nhập hạn, xâm nhập mặn và các xã NTM để hoàn thành tiêu chí về thủy lợi		6.500.000.000	6.500.000.000	
+	KP thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo ND 108/2014/NĐ-CP, ngày 20/11/2014 của Chính Phủ		1.869.911.702	1.869.911.702	
+	KP để thực hiện công tác quản lý, tuyên truyền và Hội thi " Tuyển đường nông thôn mới kiểu mẫu"		220.000.000	220.000.000	
+	KP hỗ trợ F0 tại nhà		1.207.540.000	1.207.540.000	
+	KP hỗ trợ F0 tại nhà		64.640.000	64.640.000	
+	Hộ kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh được hưởng chính sách theo khoản 21 Điều 1		3.858.000.000	3.858.000.000	
+	Hỗ trợ người điều trị Covid-19 (F0) hỗ trợ thêm với trẻ em, người khuyết tật người cao tuổi		1.032.300.000	1.032.300.000	
+	Hỗ trợ người cách ly y tế (F1) hỗ trợ thêm với trẻ em, người khuyết tật người cao tuổi		9.047.400.000	9.047.400.000	
+	Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên		30.000.000	30.000.000	
+	Hoạt động duy trì, cải tiến thương xuyên chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015		150.000.000	150.000.000	
+	Kp Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng (lao động tự do)		285.000.000	285.000.000	
+	Chương trình 30a thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững(vốn sự nghiệp)		82.000.000	82.000.000	
+	KP hộ kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh		456.000.000	456.000.000	
3	Thu chuyển nguồn	-	50.494.391.012	50.494.391.012	
-	Chuyển nguồn huyện		46.612.033.317	46.612.033.317	
-	Chuyển nguồn xã		3.882.357.695	3.882.357.695	
4	Thu kết dư	-	61.325.731.052	61.325.731.052	
4.1	Kết dư ngân sách huyện	-	58.809.765.605	58.809.765.605	
4.2	Kết dư ngân sách xã	-	2.515.965.447	2.515.965.447	
-	Xã Long Hưng		134.968.925	134.968.925	
-	Xã Hưng Phú		385.970.072	385.970.072	
-	Xã Mỹ Hương		542.535	542.535	
-	Xã Mỹ phước		232.286.204	232.286.204	
-	Xã Mỹ Tú		249.475.480	249.475.480	
-	Xã Phú Mỹ		253.797.584	253.797.584	
-	Xã Thuận Hưng		573.648.271	573.648.271	
-	TT HHN		-	-	
-	Xã Mỹ Thuận		685.276.376	685.276.376	
5	Thu Quản lý qua NSNN	-	-	-	



Stt	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM 2022	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+), GIẢM TRỪ (-)	DỰ TOÁN 2022 SAU KHI ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ
B	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (BAO GỒM NGÂN SÁCH XÃ)	487.277.000.000	140.969.403.766	628.246.403.766	
1	Chi ngân sách cấp theo phân cấp	443.341.000.000	-	443.341.000.000	
1.1	Chi đầu tư phát triển	26.200.000.000		26.200.000.000	
1.2	Chi thường xuyên	408.448.000.000		408.448.000.000	
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi sự nghiệp giáo dục	245.241.000.000		245.241.000.000	
2	Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	4.891.000.000		4.891.000.000	
2	Chi khoa học và công nghệ	-		-	
3	Chi quốc phòng	1.945.000.000		1.945.000.000	
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	324.000.000		324.000.000	
5	Chi sự nghiệp y tế	1.621.000.000		1.621.000.000	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	972.000.000		972.000.000	
7	Chi sự nghiệp truyền thanh	1.278.000.000		1.278.000.000	
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	1.003.000.000		1.003.000.000	
9	Chi sự nghiệp môi trường	2.702.000.000		2.702.000.000	
11	Chi sự nghiệp kinh tế	45.431.000.000		45.431.000.000	
	<i>Trong đó: Kinh phí bảo vệ đất trồng lúa</i>	21.330.000.000		21.330.000.000	
12	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	34.743.000.000		34.743.000.000	
13	Chi bảo đảm xã hội	19.004.000.000		19.004.000.000	
	<i>Trong đó: Kinh phí ĐBXH theo ND 136/2013/ND-CP</i>	9.192.000.000		9.192.000.000	
14	Chi thường xuyên khác	2.000.000.000		2.000.000.000	
15	Chi ngân sách xã, thị trấn	47.293.000.000		47.293.000.000	
1.3	Dự phòng ngân sách	8.693.000.000	-	8.693.000.000	
2	Chi từ kết dư ngân sách năm 2021	-	61.325.731.052	61.325.731.052	
2.1	Chi từ kết dư NS huyện	-	58.809.765.605	58.809.765.605	
-	Chi XD CB	-	24.029.309.498	24.029.309.498	
-	Chi thường xuyên	-	34.780.456.107	34.780.456.107	
2.2	Chi từ kết dư ngân sách xã, thị trấn	-	2.515.965.447	2.515.965.447	
3	Chi từ nguồn thu chuyển nguồn	-	50.494.391.012	50.494.391.012	
3.1	Chi chuyển nguồn huyện	-	46.612.033.317	46.612.033.317	
-	Chi XD CB	-	28.082.647.000	28.082.647.000	
-	Chi thường xuyên	-	18.529.386.317	18.529.386.317	
+	Chuyển nguồn dự toán của các đơn vị kinh phí tự chủ	-	4.278.714.536	4.278.714.536	
+	Chuyển nguồn dự toán của các đơn vị kinh phí không tự chủ	-	8.057.255.640	8.057.255.640	
+	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	-	6.193.416.141	6.193.416.141	
3.2	Chuyển nguồn xã	-	3.882.357.695	3.882.357.695	
4	Chi từ các khoản thu quản lý qua ngân sách	-	-	-	
5	Chi từ số bổ sung có mục tiêu do ngân sách cấp trên	43.936.000.000	29.149.281.702	73.085.281.702	
5.1	Chương trình mục tiêu đầu năm	43.936.000.000	-	43.936.000.000	
5.2	Chương trình mục tiêu bổ sung 06 tháng đầu năm	-	29.149.281.702	29.149.281.702	





PHỤ LỤC 02

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 53 / TT-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Mỹ Tú)

Đơn vị tính : đồng

Stt	Chi tiêu	Dự toán đầu năm 2022	Điều chỉnh ,tăng(+), giảm (-)	Dự toán 2022 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
1	2	3	4	5=3+4	6
A	NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	483.840.600.000	134.571.080.624	618.411.680.624	
I	Dự toán đầu năm	439.984.000.000	128.359.460.624	568.343.460.624	
-	Chi XD CB	396.048.000.000	-	396.048.000.000	
-	Chi thường xuyên	26.200.000.000		26.200.000.000	
-	Dự phòng ngân sách	361.155.000.000		361.155.000.000	
-		8.693.000.000		8.693.000.000	
II	Chi chương trình mục tiêu	43.936.000.000	22.937.661.702	66.873.661.702	
II.1	Chi chương trình mục tiêu đầu năm	43.936.000.000		43.936.000.000	
II.2	Chi chương trình mục tiêu bổ sung 06 tháng	-	22.937.661.702	22.937.661.702	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		-	-	
2	Chi các chương trình mục tiêu , nhiệm vụ		22.937.661.702	22.937.661.702	
-	KP tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân dịp tết Nguyên Đán Nhâm dần 2022		525.050.000	525.050.000	
-	KP bố trí các công trình chống xâm nhập mặn, xâm nhập mặn và các xã NTM để hoàn thành tiêu chí về thủy lợi		6.500.000.000	6.500.000.000	
-	KP thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo ND 108/2014/ND-CP, ngày 20/11/2014 của Chính Phủ		1.869.911.702	1.869.911.702	
-	Hộ kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh được hưởng chính sách theo khoản 21 Điều 1		3.858.000.000	3.858.000.000	
-	Hỗ trợ người điều trị Covid-19 (F0) hỗ trợ thêm với trẻ em, người khuyết tật người cao tuổi		1.032.300.000	1.032.300.000	
-	Hỗ trợ người cách ly y tế (F1) hỗ trợ thêm với trẻ em, người khuyết tật người cao tuổi		9.047.400.000	9.047.400.000	
-	KP để thực hiện công tác quản lý, tuyên truyền và Hội thi " Tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu"		60.000.000	60.000.000	
-	Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên		30.000.000	30.000.000	
-	Hoạt động duy trì, cải tiến thường xuyên chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015		15.000.000	15.000.000	
III	Chi từ kết dư ngân sách huyện	-	58.809.765.605	58.809.765.605	
1	Vốn đầu tư XD CB	-	24.029.309.498	24.029.309.498	
2	Chi thường xuyên	-	34.780.456.107	34.780.456.107	
IV	Chi chuyển nguồn		46.612.033.317	46.612.033.317	
1	Chi XD CB	-	28.082.647.000	28.082.647.000	
2	Chi thường xuyên	-	18.529.386.317	18.529.386.317	
-	Chuyển nguồn dự toán của các đơn vị kinh phí tự chủ	-	4.278.714.536	4.278.714.536	
-	Chuyển nguồn dự toán của các đơn vị kinh phí không tự chủ	-	8.057.255.640	8.057.255.640	
-	Chuyển nguồn các chương trình mục tiêu	-	6.193.416.141	6.193.416.141	
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN	43.856.600.000	6.211.620.000	50.068.220.000	
I	Chi bổ sung cân đối	43.856.600.000		43.856.600.000	
II	Chi bổ sung có mục tiêu		6.211.620.000	6.211.620.000	
1	CTMT quốc gia		82.000.000	82.000.000	
+	CTMTQG Giảm nghèo		82.000.000	82.000.000	
	Chương trình 30a thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững(vốn sự nghiệp)		82.000.000	82.000.000	
2	Chương trình mục tiêu nhiệm vụ		6.129.620.000	6.129.620.000	
+	KP hỗ trợ tiền ăn cho người dân phải cách ly y tế để phòng, chống dịch COVID - 19		3.435.600.000	3.435.600.000	
+	KP hỗ trợ tiền ăn cho người dân phải cách ly y tế để phòng, chống dịch COVID - 19		385.840.000	385.840.000	
+	KP để thực hiện công tác quản lý, tuyên truyền và Hội thi " Tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu"		160.000.000	160.000.000	
+	KP hỗ trợ F0 tại nhà		1.207.540.000	1.207.540.000	
+	KP hỗ trợ F0 tại nhà		64.640.000	64.640.000	
+	Hoạt động duy trì, cải tiến thường xuyên chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015		135.000.000	135.000.000	
+	Kp Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng (lao động tự do)		285.000.000	285.000.000	
+	KP hộ kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh		456.000.000	456.000.000	



CÁN ĐỐI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 53 / TT-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Mỹ Tú)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Dự Toán đầu năm 2022	+Phát sinh tăng - Phát sinh giảm	Dự Toán 2022 sau điều chỉnh
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN	487.277.000.000	140.969.403.766	628.246.403.766
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	31.070.000.000	-	31.070.000.000
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	3.000.000.000	-	3.000.000.000
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	28.070.000.000	-	28.070.000.000
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	456.207.000.000	29.149.281.702	485.356.281.702
-	Thu bổ sung cân đối	412.271.000.000	-	412.271.000.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu	43.936.000.000	29.149.281.702	73.085.281.702
III	Thu kết dư	-	61.325.731.052	61.325.731.052
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	50.494.391.012	50.494.391.012
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	487.277.000.000	140.969.403.766	628.246.403.766
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	443.341.000.000	111.820.122.064	555.161.122.064
1	Chi đầu tư phát triển	26.200.000.000	52.111.956.498	78.311.956.498
2	Chi thường xuyên	408.448.000.000	59.708.165.566	468.156.165.566
3	Dự phòng ngân sách	8.693.000.000	-	8.693.000.000
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	-	-
II	Chi các chương trình mục tiêu	43.936.000.000	29.149.281.702	73.085.281.702
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	43.936.000.000	29.149.281.702	73.085.281.702
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	-	-

**CÂN ĐỐI ĐIỀU CHỈNH NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số 93 / TT-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Mỹ Tú)

Đơn vị tính: đồng

Số tt	Nội dung	Dự toán đầu năm 2022	+Phát sinh tăng - Phát sinh giảm	Dự toán năm 2022 sau điều chỉnh
A	NGÂN SÁCH HUYỆN			
I	Nguồn thu ngân sách	483.840.600.000	134.571.080.624	618.411.680.624
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	27.633.600.000	0	27.633.600.000
-	Thu ngân sách hưởng 100%	2.200.000.000	-	2.200.000.000
-	Thu ngân sách hưởng từ các khoản thu phân chia	25.433.600.000		25.433.600.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	456.207.000.000	29.149.281.702	485.356.281.702
-	Thu bổ sung cân đối	412.271.000.000		412.271.000.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu	43.936.000.000	29.149.281.702	73.085.281.702
3	Thu kết dư ngân sách	-	58.809.765.605	58.809.765.605
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	46.612.033.317	46.612.033.317
II	Chi ngân sách	483.840.600.000	134.571.080.624	618.411.680.624
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	439.984.000.000	128.359.460.624	568.343.460.624
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	43.856.600.000	6.211.620.000	50.068.220.000
-	Chi bổ sung cân đối	43.856.600.000	0	43.856.600.000
-	Chi bổ sung có mục tiêu		6.211.620.000	6.211.620.000
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			0
B	NGÂN SÁCH XÃ			
I	Nguồn thu ngân sách	47.293.000.000	12.609.943.142	59.902.943.142
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	3.436.400.000	0	3.436.400.000
-	Thu ngân sách hưởng 100%	800.000.000	0	800.000.000
-	Thu ngân sách hưởng từ các khoản thu phân chia	2.636.400.000	-	2.636.400.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	43.856.600.000	6.211.620.000	50.068.220.000
-	Thu bổ sung cân đối	43.856.600.000	0	43.856.600.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu		6.211.620.000	6.211.620.000
3	Thu kết dư		2.515.965.447	2.515.965.447
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		3.882.357.695	3.882.357.695
II	Chi ngân sách	47.293.000.000	12.609.943.142	59.902.943.142